

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**NGUYỄN HOÀNG HUẾ**

**TIẾN TRÌNH HỢP TÁC KINH TẾ  
GIỮA CÁC NƯỚC THUỘC HÀNH LANG  
KINH TẾ ĐÔNG TÂY (1998 - 2010)**

Chuyên ngành: **Lịch sử thế giới**  
Mã số: **62.22.03.11.**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ**

Người hướng dẫn khoa học:  
**1. PGS.TS NGUYỄN VĂN TẬN**  
**2. PGS.TS TRỊNH THỊ ĐỊNH**

**HUẾ, 2014**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan bản luận án là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

**Tác giả luận án**

**Nguyễn Hoàng Huế**

## MỤC LỤC

	Trang
TRANG PHỤ BÌA.....	i
LỜI CAM ĐOAN .....	ii
MỤC LỤC .....	iii
BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	ix
DANH MỤC CÁC HÌNH .....	x
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu .....	4
3. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu.....	10
4. Phạm vi nghiên cứu và nguồn tư liệu.....	11
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	12
6. Đóng góp của luận án.....	13
7. Bố cục của luận án .....	14
<b>CHƯƠNG 1. CƠ SỞ CỦA HỢP TÁC KINH TẾ GIỮA CÁC NƯỚC THUỘC HÀNH LANG KINH TẾ ĐÔNG TÂY</b> .....	<b>15</b>
1.1. Một số cơ sở lý thuyết về quan hệ kinh tế quốc tế.....	15
1.1.1. Khái niệm về hợp tác và hội nhập kinh tế khu vực.....	15
1.1.2. Lý thuyết về lợi thế so sánh .....	16
1.1.3. Lý thuyết về lợi thế cạnh tranh của quốc gia .....	16
1.1.4. Thuyết tự do thương mại.....	17
1.1.5. Thuyết bảo hộ mậu dịch.....	17
1.1.6. Khái niệm “hành lang kinh tế”.....	18
1.2. Khái niệm “Hành lang kinh tế Đông Tây”.....	19
1.3. Bối cảnh quốc tế và khu vực .....	20
1.4. Khái quát hợp tác kinh tế giữa Myanmar, Thái Lan, Lào và Việt Nam trước năm 1998.....	28
1.5. Sáng kiến của Ngân hàng Phát triển châu Á và Nhật Bản.....	32

1.5.1. Vai trò của Ngân hàng Phát triển châu Á .....	32
1.5.2. Vai trò của Nhật Bản.....	33
1.6. Đặc điểm của Hành lang kinh tế Đông Tây .....	35
<b>CHƯƠNG 2. SỰ TIẾN TRIỂN CỦA CÁC LĨNH VỰC HỢP TÁC KINH TẾ</b>	
<b>GIỮA CÁC NƯỚC THUỘC HÀNH LANG KINH TẾ ĐÔNG TÂY (1998 - 2010) .....</b>	<b>42</b>
2.1. Nguyên tắc hợp tác và cơ chế hoạt động của Hành lang kinh tế Đông Tây ...	42
2.2. Hợp tác đầu tư giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây .....	47
2.2.1. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.....	47
2.2.2. Đầu tư xây dựng các khu kinh tế .....	51
2.2.3. Thu hút đầu tư của các nước và các địa phương thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây.....	53
2.3. Hợp tác thương mại.....	59
2.4. Hợp tác trong lĩnh vực giao thông vận tải và du lịch.....	64
2.4.1. Hợp tác trong lĩnh vực giao thông vận tải.....	64
2.4.2. Hợp tác trong lĩnh vực du lịch .....	70
2.5. Hợp tác trong các lĩnh vực khác .....	82
2.5.1. Hợp tác nông và công nghiệp.....	82
2.5.2. Hợp tác năng lượng.....	84
2.5.3. Hợp tác xóa đói giảm nghèo và phát triển nông thôn .....	87
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ TIẾN TRÌNH HỢP TÁC KINH TẾ</b>	
<b>GIỮA CÁC NƯỚC THUỘC HÀNH LANG KINH TẾ ĐÔNG TÂY (1998 - 2010) ..</b>	<b>90</b>
3.1. Tác động của tiến trình hợp tác kinh tế giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây.....	90
3.1.1. Tác động đối với các nước thành viên .....	90
3.1.1.1. Tác động đối với Myanmar .....	93
3.1.1.2. Tác động đối với Thái Lan .....	94
3.1.1.3. Tác động đối với Lào .....	97
3.1.1.4. Tác động đối với Việt Nam.....	100
3.1.2. Tác động đối với hợp tác Tiểu vùng Mekong mở rộng .....	105
3.1.3. Tác động đối với hợp tác ASEAN .....	107
3.2. Những thành tựu và hạn chế .....	112

3.2.1. Thành tựu .....	112
3.2.2. Hạn chế và nguyên nhân .....	116
3.3. Một số giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây .....	127
3.4. Các gợi mở chính sách tham gia của Việt Nam trong hợp tác kinh tế Hành lang kinh tế Đông Tây.....	133
3.4.1. Đóng góp của Việt Nam trong tiến trình hợp tác kinh tế giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây (1998 - 2010).....	133
3.4.2. Các gợi mở chính sách cho Việt Nam .....	135
3.5. Triển vọng của hợp tác kinh tế giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây.....	145
<b>KẾT LUẬN</b> .....	150
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	155
<b>PHỤ LỤC</b>	

**BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>CHỮ VIẾT TẮT</b>	<b>TIẾNG ANH</b>	<b>TIẾNG VIỆT</b>
1	ACMECS	Ayeyawady - Chao Phraya – Mekong Economic Cooperation Strategy	Chiến lược hợp tác kinh tế Ayayewady - Chao Phraya - Mekong
2	ADB	Asian Development Bank	Ngân hàng phát triển châu Á
3	AEC	ASEAN Economic Community	Cộng đồng kinh tế ASEAN
4	AFTA	ASEAN Free Trade Area	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN
5	APEC	Asia - Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương
6	ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
7	ASEAN-METI	Association of Southeast Asian Nations Minister for Economy, Trade and Industry	Ủy ban hợp tác kinh tế và công nghiệp ASEAN
8	CBTA	Cross Border Transport Agreement	Hiệp định vận tải qua biên giới
9	EWEC	East West Economic Corridor	Hành lang kinh tế Đông Tây
10	EU	European Union	Liên minh Châu Âu
11	FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
12	GMS	Greater Mekong Subregion	Tiểu vùng Mekong mở rộng
13	GMS BF	Greater Mekong Subregion Business Forum	Diễn đàn doanh nghiệp Tiểu vùng Mekong mở rộng

14	GMS-CBTA	Greater Mekong Subregion - Cross Border Transport Agreement	Hiệp định vận tải qua biên giới của các nước Tiểu vùng sông Mekong mở rộng
15	GSP	Generalized System of Preferences	Hệ thống ưu đãi phổ cập
16	IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
17	JBIC	Japan Bank for International Cooperation	Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản
18	JETRO	Japan External Trade Organization	Tổ chức ngoại thương Nhật Bản
19	JICA	Japan International Cooperation Agency	Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản
20	KKTTMĐB	-	Khu kinh tế - thương mại đặc biệt
21	KKTTMĐBLB		Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo
22	NAFTA	North America Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ
23	NSEC	North - South Economic Corridor	Hành lang kinh tế Bắc - Nam
24	ODA	Official Development Assistance	Viện trợ phát triển chính thức
25	RFID	Radio Frequency Identification	Thẻ kiểm tra đối tượng bằng sóng vô tuyến
26	SEC	South Economic Corridor	Hành lang kinh tế phía Nam
27	SOM EWEC	Senior Officials Meeting East West Economic Corridor	Hội nghị cấp cao EWEC
28	TNHH	-	Trách nhiệm hữu hạn

29	TNHH MTV		Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
30	TTXVN	-	Thông tấn xã Việt Nam
31	UBND	-	Ủy ban nhân dân
32	UNESCO	United Nations Educational Scientific and Cultural Organization	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc
33	WB	World Bank	Ngân hàng thế giới
34	WTC	World Trade Center	Trung tâm thương mại quốc tế
35	WTO	World Trade Organization	Tổ chức thương mại thế giới
36	XNK	-	Xuất nhập khẩu



## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Tỉ trọng thương mại của các nước EWEC với Nhật Bản.....	35
Bảng 1.2: Thông tin về các tỉnh, thành phố thuộc EWEC.....	36
Bảng 2.1: Các chỉ số vĩ mô và xã hội của các nước EWEC, giai đoạn 2000 - 2005 .....	48
Bảng 2.2: Nguồn vốn phân bổ cho các lĩnh vực hợp tác ưu tiên của GMS (1992 - 2007) ...	51
Bảng 2.3: Kết quả thu hút đầu tư vào KKT TMĐBLB qua các năm: 2000 - 2010....	52
Bảng 2.4: Xuất khẩu qua biên giới trên EWEC (2002-2008).....	60
Bảng 2.5: Tốc độ tăng trưởng xuất, nhập khẩu (%/năm) của các nước thành viên EWEC ....	63
Bảng 2.6: Hành lang kinh tế Đông Tây tại các nước trên tuyến .....	67
Bảng 2.7: Tổng số người xuất nhập cảnh qua cửa khẩu Lao Bảo (2001 - 2010) .....	67
Bảng 2.8: Lượng khách du lịch quốc tế vào các nước EWEC .....	80
Bảng 2.9: Nguồn vốn vay cho lĩnh vực năng lượng của các nước EWEC.....	85
Bảng 3.1: Tỷ lệ % của các ngành CN-XD và dịch vụ trong GDP của Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế và Quảng Trị.....	102
Bảng 3.2: So sánh thủ tục hải quan hiện nay của các quốc gia EWEC và Singapore ...	118

## DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Hành lang kinh tế Đông Tây.....	19
Hình 1.2: Vị trí của Hành lang kinh tế Đông Tây .....	39
Hình 2.1: Các nhà tài trợ nguồn tài chính cho xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông của EWEC.....	49
Hình 2.2: Các dự án giao thông vận tải trên EWEC.....	65
Hình 2.3: Thành phố Khon Kaen và các thị trấn lân cận trên EWEC .....	83
Hình 3.1: Tốc độ tăng GDP/ng của các tỉnh phía Việt Nam và Việt Nam.....	101